

Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh cục diện kinh tế thế giới mới

Kim Ngọc¹, Nguyễn Thị Phương Thanh²

¹ Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: kimngoc_vapec@yahoo.com

² Đài Truyền hình Việt Nam.

Email: phuongthanh.vtv@gmail.com

Nhận ngày 28 tháng 3 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 5 tháng 5 năm 2019.

Tóm tắt: Hiện nay, cục diện kinh tế thế giới có nhiều chuyển biến theo hướng phức tạp và khó dự đoán hơn. Sự gia tăng của chủ nghĩa bảo hộ thương mại, sự gia tăng căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc; quá trình Brexit để nước Anh rời Liên minh Châu Âu (EU)... đang tạo ra sự bất định chính sách ngày càng tăng, đe dọa nghiêm trọng tới tiến trình tự do hóa thương mại và hội nhập kinh tế toàn cầu. Những sự kiện, diễn biến trên đang có ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh tế, chính trị thế giới và động thái chính sách của các nước, trong đó có Việt Nam. Do đó, đòi hỏi Chính phủ Việt Nam cần phải sớm có những phân tích, dự báo và động thái chính sách để giảm thiểu những tác động tiêu cực và chủ động có những giải pháp phù hợp trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng hiện nay.

Từ khóa: Cục diện kinh tế thế giới, hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam.

Phân loại ngành: Kinh tế học

Abstract: The world economy is currently undergoing many changes in the direction of getting more complicated and unpredictable. The rise of trade protectionism, the increase in trade tensions between the US and China, the Brexit, i.e. the process of the UK leaving the European Union (EU)... have been creating increasing policy uncertainty, seriously threatening the process of trade liberalisation and global economic integration. The events and developments are exerting great impacts on the world economic and political situation and the policy moves of countries, including Vietnam. Therefore, the Government of Vietnam needs to make analyses and forecasts and policy moves soon to minimise the negative impacts, and proactively take appropriate measures in the current period of broad and profound international economic integration.

Keywords: International economic situation, international economic integration, Vietnam.

Subject classification: Economics

1. Mở đầu

Cục diện kinh tế thế giới hiện nay đang làm thay đổi nền tảng của kinh tế thế giới. Một số quốc gia trước kia vốn đi đầu trong việc ủng hộ tự do hóa thương mại nay lại trở thành yếu tố ảnh hưởng tới sự ổn định của hệ thống thương mại đa phương nói riêng và của cả quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế trên toàn thế giới nói chung. Đáng lưu ý là xung đột thương mại giữa Mỹ với một số đối tác, đặc biệt với Trung Quốc vẫn tiếp tục có những diễn biến khó lường. Những sự kiện, diễn biến trên đang có ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh tế, chính trị thế giới và động thái chính sách của các nước, trong đó có Việt Nam. Việt Nam bước vào giai đoạn hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn diện, đặt ra những yêu cầu hoàn toàn mới đối với các cơ quan, địa phương và doanh nghiệp. Do đó, vấn đề cần thiết là nhận thức đầy đủ hơn những điểm mới của hội nhập kinh tế quốc tế, xác định các giải pháp để tham gia, đóng góp đối với tiến trình này, nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế và hạn chế thách thức, thiết thực phục vụ đổi mới đồng bộ và toàn diện, phát triển bền vững. Bài viết này phân tích những thành tựu, hạn chế trong hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh cục diện kinh tế thế giới mới; nêu giải pháp nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Thành tựu hội nhập kinh tế quốc tế

Trong những năm qua, hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đã đạt được một số thành tựu nhất định, đóng góp chung vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu năm 2018 ước đạt 475 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 239 tỷ USD, tăng 11,2% so với năm 2017. Hàng hóa Việt Nam đã tiếp tục khai thác các thị trường truyền thống và mở rộng tìm kiếm, phát triển thêm nhiều thị trường mới. Đặc biệt, xuất khẩu sang thị trường các nước có hiệp định thương mại tự do (FTA) với Việt Nam đều có tốc độ tăng cao so với năm 2017. Tỷ lệ tận dụng ưu đãi từ các thị trường đã ký kết FTA đạt khoảng 40%, tăng mạnh so với con số khoảng 35% các năm trước. Điều đó cho thấy, doanh nghiệp Việt Nam đang ngày càng chú trọng tới việc khai thác các cơ hội từ hội nhập và thực thi các FTA [12].

Sau hơn 30 năm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), hiện cả nước có khoảng 334 tỷ USD vốn đăng ký với hơn 26.600 dự án còn hiệu lực. Theo đó, khu vực FDI đã ngày càng phát triển, trở thành một trong những khu vực năng động nhất của nền kinh tế. FDI đã đóng góp lớn trong việc gia tăng năng lực sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam. Đến nay, khu vực FDI chiếm khoảng 25% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, trên 70% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Khu vực FDI đã góp phần tăng thu ngân sách, tạo việc làm cho người dân, ổn định tình hình xã hội. Riêng năm 2018, Việt Nam đã thu hút 1.918 dự án cấp phép mới, với số vốn đăng ký đạt hơn 13,481 tỷ USD, tăng 18,1% về số dự án và 0,2% về vốn đăng ký so với năm 2017.

FDI có vai trò quan trọng, trở thành “điểm sáng” của nền kinh tế Việt Nam. FDI đã góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Hiện FDI đã tạo ra trên 50% giá trị sản xuất công nghiệp, góp phần hình thành một số ngành công nghiệp chủ lực như viễn thông, dầu khí, điện tử, công nghệ thông tin... Đây là nền tảng quan trọng cho tăng

trường dài hạn cũng như thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Mặc dù xu hướng bảo hộ thương mại nổi lên ở nhiều nơi trên thế giới, kim ngạch vốn đầu tư, du lịch từ các đối tác chủ chốt năm sau vẫn tăng hơn năm trước. Các đối tác đã cam kết viện trợ hơn 3 tỷ USD cho Việt Nam trong giai đoạn từ nay đến năm 2020. Lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam đạt mức kỷ lục, hơn 13 triệu người năm 2018.

Ngày 12/11/2018, đánh dấu một bước ngoặt lớn trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam khi Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về việc phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và các văn kiện có liên quan. Theo đó, CPTPP chính thức có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 14/1/2019. Tham gia Hiệp định này là động lực giúp Việt Nam nâng cao nội lực, đa dạng hóa thị trường để ứng phó với các tác động của kinh tế thế giới đang diễn biến phức tạp với chiều hướng bảo hộ thương mại gia tăng của các nền kinh tế lớn. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam có khả năng tăng thêm 1,32% tính đến năm 2035. Trong trường hợp đồng thời cắt giảm thuế quan và tự do hóa dịch vụ, GDP có thể tăng thêm 2,01%. Với mức độ cam kết của các nước trong CPTPP, các mặt hàng xuất khẩu có thể mạnh của Việt Nam như nông, thủy sản, điện, điện tử đều được xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam có thể tăng thêm 4,04% và nhập khẩu tăng thêm 3,8% vào năm 2035; tổng số việc làm tăng thêm hàng năm từ 20.000 lao động đến 26.000 lao động [12]. Bên cạnh đó, CPTPP sẽ giúp Việt Nam có cơ hội cơ cấu lại thị trường xuất nhập khẩu theo hướng cân bằng hơn, từ đó giúp nâng cao tính độc lập tự chủ của

nền kinh tế. Đồng thời, Việt Nam có điều kiện tốt để thu hút FDI của 10 thành viên còn lại. Thông qua thành viên của Hiệp định là các nước có nền kinh tế phát triển cao, hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, Việt Nam sẽ học tập, trao đổi kinh nghiệm để hoàn thành hệ thống pháp luật nước ta, cũng như việc quản lý, điều hành nền kinh tế thị trường. Đánh giá về cơ hội “vàng” mà CPTPP mang lại, nhiều chuyên gia cho rằng, việc tham gia Hiệp định là cơ hội lớn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam cũng như vị thế của Việt Nam trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, là cầu nối quan trọng đưa Việt Nam hội nhập sâu rộng kinh tế quốc tế. CPTPP còn là động lực giúp doanh nghiệp Việt Nam tập trung đổi mới phương thức sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện chất lượng hàng hóa dịch vụ để bắt kịp xu hướng phát triển của thế giới.

Bất chấp những khó khăn từ rào cản thương mại, sự gia tăng bảo hộ của các nước hay căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam vẫn chinh phục “đỉnh cao” mới. Từ năm 2016 đến nay, tăng trưởng kinh tế luôn đạt cao hơn mức bình quân của giai đoạn 2011-2015, các chỉ số kinh tế vĩ mô đều tích cực, nhất là đầu tư nước ngoài và xuất nhập khẩu. Năm 2018, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đạt 7,08%, mức cao nhất trong vòng 10 năm và có khả năng tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao trên 7% vào năm 2019.

Năm 2018 cũng là năm thứ 3 liên tiếp lạm phát được kiểm soát dưới 4%. Dự trữ ngoại hối nhà nước đạt kỷ lục trên 60 tỷ USD. Môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện thông qua việc cắt giảm, đơn giản hóa 61% điều kiện kinh doanh và 60% thủ tục kiểm tra chuyên ngành hàng

hóa xuất nhập khẩu. Nhờ kinh tế - xã hội phát triển ổn định, quy mô nền kinh tế tăng mạnh, năm 2018 ước đạt trên 5,5 triệu tỷ đồng. GDP bình quân đầu người ước đạt 2.540USD, tăng 440USD so với năm 2015.

Đến nay đã có 71 nước công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường. Việt Nam đã ký kết và thực thi 12 FTA, kết thúc đàm phán 01 FTA, và đang đàm phán 03 FTA khác. Trong 12 FTA đã ký kết và thực thi có 07 FTA ký kết với tư cách là thành viên ASEAN (gồm AFTA, 06 FTA giữa ASEAN với các đối tác Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Úc, Hồng Kông và New Zealand); 05 FTA ký kết với tư cách là một bên độc lập với Chile, Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên minh kinh tế Á - Âu (EAEU), và CPTPP; 01 FTA đã kết thúc đàm phán là FTA với Liên minh Châu Âu, và 03 FTA đang được đàm phán bao gồm: Hiệp định Đối tác kinh tế Toàn diện khu vực (RCEP), FTA với Israel và FTA với Khối thương mại tự do Châu Âu (EFTA).

Hội nhập kinh tế tiếp tục tạo thêm nguồn lực cho phát triển kinh tế nước ta. Đồng thời, góp phần quan trọng nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, đưa quan hệ của Việt Nam với các nước, nhất là đối tác ưu tiên, quan trọng đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững; quan hệ với các nước lớn tiếp tục được củng cố và thúc đẩy hài hòa, tranh thủ được các yếu tố tích cực, hạn chế được những bất đồng để phục vụ nhiệm vụ xây dựng và phát triển đất nước, nâng cao vị thế của quốc gia. Đến nay, Việt Nam đã thiết lập đối tác chiến lược với 16 quốc gia, đối tác toàn diện với 14 quốc gia và quan hệ chiến lược đặc biệt với Lào và Campuchia. Các mối quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện tiếp tục được thúc đẩy phát triển, phát huy được các mặt tích cực. Việt Nam đã đẩy mạnh và làm sâu sắc

hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác có tầm quan trọng chiến lược đối với sự phát triển, an ninh của đất nước. Cụ thể hóa và đưa khuôn khổ đã xác lập đi vào chiều sâu, thực chất, tạo sự đan xen, gắn kết giữa lợi ích của Việt Nam với các nước. Trong 30 quốc gia đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, có 8/10 thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam, chiếm 60,7% tổng giá trị xuất khẩu; 9/10 thị trường nhập khẩu chính, chiếm 74,7% tổng giá trị nhập khẩu; 76,7% tổng lượng du khách và 74% tổng vốn FDI vào Việt Nam [8]. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trên mọi mặt, chuyển từ “tham dự” sang chủ động “tham gia”, tích cực đóng góp, xây dựng, định hình các thể chế khu vực và toàn cầu tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế. Trong đó nổi bật là Việt Nam đã tham gia xây dựng Cộng đồng ASEAN vững mạnh, đoàn kết, hợp tác và tự cường. Đặc biệt, Việt Nam đảm nhiệm tốt vai trò nước chủ nhà trong tổ chức các Hội nghị quốc tế, trong đó Việt Nam đã tổ chức thành công Năm APEC Việt Nam 2017, đã tranh thủ tốt vị trí nước chủ nhà, khẳng định được vai trò và khả năng của Việt Nam trong việc xử lý những vấn đề quốc tế và khu vực; Hội nghị WEF ASEAN 2018 tại Việt Nam được đánh giá là hội nghị khu vực thành công nhất trong lịch sử 27 năm của Diễn đàn Kinh tế Thế giới; Hội nghị Thượng đỉnh Mỹ - Triều lần thứ 2 cùng nhiều sáng kiến hợp tác cụ thể tại các diễn đàn đa phương cho thấy rõ vai trò và vị thế ngày càng tăng của Việt Nam trong khu vực và thế giới [8].

3. Hạn chế của hội nhập kinh tế quốc tế

Báo cáo của Chính phủ về tình hình kinh tế - xã hội năm 2018 do Thủ tướng Nguyễn

Xuân Phúc trình bày trước Quốc hội chỉ rõ: công tác hội nhập trong nước còn yếu, chưa khai thác có hiệu quả các lợi ích của hội nhập kinh tế quốc tế. Trong đó, nổi bật là các yếu kém [13].

Thứ nhất, hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần làm bộc lộ những yếu kém cơ bản của nền kinh tế. Cơ cấu kinh tế và chất lượng tăng trưởng vẫn chưa được cải thiện về căn bản. Tăng trưởng thời gian qua phần nhiều dựa vào các yếu tố như tín dụng, lao động rẻ mà thiếu sự đóng góp đáng kể của việc gia tăng năng suất lao động hay hàm lượng tri thức, công nghệ.

Thứ hai, hiệu quả đầu tư chưa cao như mong muốn, chậm đổi mới chính sách liên quan đến thu hút FDI. Việc thu hút các dự án FDI tăng về số lượng, nhưng chất lượng chưa đảm bảo, công nghệ chưa tốt, đặc biệt công nghệ trong những lĩnh vực Việt Nam cần đổi mới mô hình tăng trưởng. Ngân hàng Thế giới (WB) nhận xét: “Vốn FDI gắn kết với kinh tế trong nước còn kém, kết nối trong nước chủ yếu ở các lĩnh vực có giá trị gia tăng thấp: hầu hết đầu vào (70-80%) đều phải nhập khẩu” [11]. Nhận xét đó, dù rất đáng lưu tâm, nhưng chưa cho thấy sự bành trướng của khu vực FDI trong nền kinh tế Việt Nam

Thứ ba, sức cạnh tranh của nền kinh tế, doanh nghiệp và sản phẩm của Việt Nam vẫn còn yếu so với các nước, kể cả các nước trong khu vực. Các ngành kinh tế, các doanh nghiệp mang tính mũi nhọn, có khả năng vươn ra chiếm lĩnh thị trường khu vực và thế giới chưa nhiều, một số sản phẩm đã bắt đầu gặp khó khăn trong cạnh tranh, tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu có xu hướng giảm.

Thứ tư, việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tuy đã

có những chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn nhiều bất cập, chưa đồng bộ, đôi khi lúng túng trong việc xác định hướng đi. Các thị trường bất động sản, tài chính, lao động, khoa học - công nghệ tuy đã hình thành và phát triển nhưng vẫn cần có sự cải thiện.

Thứ năm, đã xuất hiện các điểm “cổ chai” về thể chế, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực... gây cản trở cho quá trình phát triển. Trong đó, nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng là các nội dung đặc biệt quan trọng, cần lưu tâm để có thể vượt qua thách thức, nắm bắt cơ hội của hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ sáu, một số địa phương lúng túng trong việc triển khai công tác hội nhập kinh tế quốc tế. Vẫn tồn tại khoảng cách khá xa về năng lực và thiếu sự gắn kết, hỗ trợ giữa khu vực FDI và khu vực doanh nghiệp trong nước, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Công tác thông tin truyền thông về hội nhập, năng lực giải quyết tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế còn hạn chế, chưa tận dụng được hết các cơ hội do các hiệp định FTA mang lại.

4. Giải pháp nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế

4.1. Tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức

Ngày 5/11/2016, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TW về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Nghị quyết chỉ rõ [14]:

Thứ nhất, tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên

và mọi tầng lớp nhân dân về hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng và hội nhập quốc tế nói chung; nâng cao hiểu biết và sự đồng thuận của cả xã hội, đặc biệt là của doanh nghiệp, doanh nhân đối với các thỏa thuận quốc tế, đặc biệt là cơ hội, thách thức và những yêu cầu phải đáp ứng khi tham gia và thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới bằng các hình thức, nội dung tuyên truyền phù hợp và hiệu quả cho từng ngành hàng, hiệp hội, doanh nghiệp và cộng đồng; chú trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Chủ động, kịp thời phát hiện, đấu tranh với các luận điệu, quan điểm sai trái, thù địch; bảo vệ đường lối, chủ trương của Đảng về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ hai, hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao năng lực thực thi pháp luật. Khẩn trương rà soát, bổ sung, hoàn thiện luật pháp trực tiếp liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với Hiến pháp, tuân thủ đầy đủ, đúng đắn các quy luật của kinh tế thị trường và các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; nội luật hóa theo lộ trình phù hợp những điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, trước hết là luật pháp về thương mại, đầu tư, sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, lao động - công đoàn... bảo đảm tranh thủ được thời cơ, thuận lợi, vượt qua các khó khăn, thách thức từ việc tham gia và thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; nâng cao nhận thức và năng lực pháp lý, đặc biệt là luật pháp quốc tế, thương mại quốc tế, trước hết là của cán bộ chủ chốt các ngành và chính quyền các cấp, doanh nghiệp, cán bộ làm công tác tổ tụng, đội ngũ luật sư và những người trực tiếp làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế; hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển doanh

nh nghiệp, đặc biệt là hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ cùng với khuyến khích khởi nghiệp, sáng tạo. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động mua bán-sáp nhập doanh nghiệp Việt Nam, trên cơ sở phát huy nội lực, bảo đảm tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế, phù hợp với các cam kết quốc tế; nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia về hội nhập quốc tế và các ban chỉ đạo liên ngành về hội nhập kinh tế quốc tế, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực chính trị, quốc phòng - an ninh, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, giáo dục, khoa học - công nghệ và các lĩnh vực khác nhằm tạo sức mạnh tổng hợp của quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế.

4.2. Nâng cao năng lực cạnh tranh

Việc thực hiện các cam kết hội nhập sâu rộng đang tạo sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt trên cả ba cấp độ quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm. Vấn đề lớn đặt ra là làm sao thực hiện hiệu quả các FTA thế hệ mới để tăng cường được nội lực, nâng cao được năng suất, sức cạnh tranh của nền kinh tế, nuôi dưỡng và phát triển được nhiều “gien Việt” trong nền kinh tế. Mặt khác, chúng ta cần tiếp tục nỗ lực củng cố ổn định kinh tế vĩ mô, có năng lực thích nghi và điều chỉnh linh hoạt trước những biến động kinh tế thế giới và khu vực. Việc đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh là tiền đề và là giải pháp quyết định để nâng cao nội lực nhằm tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức của hội nhập quốc tế. Trong đó [14]: (1) Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tập

trung ưu tiên đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Tiếp tục ổn định và củng cố nền tảng kinh tế vĩ mô vững chắc; kiểm soát tốt lạm phát; bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; giữ vững an ninh kinh tế; (2) Tiếp tục thực hiện ba đột phá chiến lược; hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại; chú trọng phát triển nguồn nhân lực Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập của đất nước. Ưu tiên phát triển và chuyển giao khoa học - công nghệ, nhất là khoa học - công nghệ hiện đại, coi đây là yếu tố trọng yếu nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; (3) Đẩy mạnh cơ cấu lại tổng thể các ngành, lĩnh vực kinh tế trên phạm vi cả nước và từng vùng, địa phương, doanh nghiệp với tầm nhìn dài hạn, có lộ trình cụ thể; gắn kết chặt chẽ giữa cơ cấu lại tổng thể nền kinh tế với cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực trọng tâm trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Tập trung ưu tiên cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công; cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước; cơ cấu lại thị trường tài chính, trọng tâm là các tổ chức tín dụng; đổi mới, cơ cấu lại khu vực sự nghiệp công lập; cơ cấu lại nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ... Đồng thời, đổi mới phương thức thực hiện liên kết, phối hợp trong phát triển kinh tế vùng; thực hiện có hiệu quả quá trình đô thị hóa; (4) Xây dựng và triển khai các chính sách hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân cả về số lượng, chất lượng ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế để khu vực kinh tế này thực sự trở thành một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế, một lực lượng nòng cốt

trong hội nhập kinh tế quốc tế; (5) Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực. Tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo; đẩy nhanh phổ cập ngoại ngữ, trọng tâm là tiếng Anh trong giáo dục các cấp. Đẩy mạnh dạy nghề và gắn kết đào tạo với doanh nghiệp; tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất kinh doanh; (6) Giám sát thường xuyên, tăng cường công tác dự báo về tăng trưởng xuất khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài, năng suất lao động, xuất khẩu lao động, xác định cơ cấu trong mỗi ngành kinh tế và toàn bộ nền kinh tế để có cơ sở đánh giá hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế và kịp thời điều chỉnh chính sách, biện pháp.

4.3. Giải quyết mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế

Giải quyết mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân tộc. Để giữ vững độc lập, tự chủ trong bối cảnh hội nhập quốc tế, tăng cường đa dạng hóa và mở rộng quan hệ đối ngoại với nhiều đối tác, thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế với các lộ trình linh hoạt theo nhiều phương, nhiều tuyến, nhiều tầng là cách thức để tạo ra một dải lựa chọn, khiến cho Việt Nam không bị lệ thuộc vào bên ngoài. Tăng cường sức mạnh quốc gia là yếu tố then chốt để giảm sự “tùy thuộc bất đối xứng” không có lợi cho Việt Nam. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia chính là sự kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, sức mạnh của nội lực kết hợp với sức mạnh của ngoại lực, sức mạnh tổng hợp của kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa. Khi giải quyết các vấn đề toàn cầu, cần phải tăng cường sức mạnh mềm³ của đất nước để các

chính sách quốc gia có được sự ủng hộ và giúp đỡ cao của cộng đồng quốc tế.

Chiến lược thu hút FDI trong giai đoạn mới cần hạn chế được tối đa các tiềm ẩn bất lợi đối với độc lập kinh tế, bảo đảm an ninh trật tự xã hội, quốc phòng của đất nước từ góc độ kinh tế, địa - chính trị. Theo WB, Việt Nam đã thu hút “thành công” vốn FDI ở mức rất cao. Tỷ lệ vốn FDI trên GDP ở mức 6,1%, cao hơn rất nhiều so với 0,4% của Thái Lan, 1,2% của Trung Quốc, 2% của Ấn Độ, và 2,6% của Philippines. Tuy vậy, khi đất đai, tài nguyên, nguồn lực có hạn mà khu vực FDI nở rộ sẽ chiếm mất cơ hội, không gian của các khu vực kinh tế khác. Nhiều chuyên gia từng rất lo lắng, vì sao khu vực doanh nghiệp tư nhân Việt Nam không thể lớn lên nổi. Trong hơn 20 năm nay, khu vực này chỉ chiếm khoảng 8-9% GDP của Việt Nam. Liệu có phải do họ bị chèn ép, bị phân biệt đối xử, bị hạn chế các cơ hội tiếp cận đất đai khi địa phương nào cũng “trái thăm đồ” mời gọi vốn FDI? Tại Hội nghị tổng kết 30 năm đầu tư nước ngoài tại Việt Nam do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức tại Hà Nội ngày 4/10/2018, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã chỉ đạo các bộ, ngành hoàn thiện khung pháp luật liên quan đến đầu tư, trong đó có thực hiện chủ trương hợp tác đầu tư nước ngoài có ưu tiên, chọn lọc gắn với mục tiêu nâng tầm trình độ nền kinh tế, xây dựng nền kinh tế tự chủ.

Xây dựng nền kinh tế tự chủ là điều rất cần thiết và sống còn. Sự phát triển, hưng thịnh của một quốc gia phải là do doanh nghiệp dân tộc đảm nhiệm, thay vì phụ thuộc vào các doanh nghiệp nước ngoài. Vì thế, tại Hội nghị, Thủ tướng yêu cầu các bộ, ngành, chính quyền địa phương khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp trong

nước liên doanh, liên kết, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trong các dự án sử dụng công nghệ cao, công nghệ mới, công nghiệp hỗ trợ... Từ tư duy thụ động, bị nhà đầu tư nước ngoài vào “mua”, nay chuyển sang các doanh nghiệp trong nước có thể chủ động “mua” lại các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Việt Nam để tiếp thu thị trường, kênh phân phối, làm chủ công nghệ, quản lý và phát triển các sản phẩm quốc gia.

Giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là điều kiện cơ bản để Việt Nam thực hiện mục tiêu xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

4.4. Đổi mới sáng tạo công nghệ

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghệ 4.0 hiện nay, Việt Nam cần thúc đẩy mạnh mẽ tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, định vị đất nước ở vị trí cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu và thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước. Đây chính là những nhân tố thuận lợi để Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh cải cách, đổi mới mô hình tăng trưởng, hoàn thành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2016-2020 nhằm tạo nền tảng vững chắc cho hội nhập và phát triển nhanh, bền vững hơn trong giai đoạn sau 2020. Điều quan trọng đối với Việt Nam hiện nay là tìm kiếm động lực mới cho phát triển gắn với cuộc Cách mạng công nghệ 4.0 và lợi thế của đất nước như công nghệ thông tin, nông nghiệp công nghệ cao, đô thị thông minh, các ngành dịch vụ được phát triển từ cuộc Cách mạng công nghệ 4.0 (thương mại điện tử, chuỗi cung ứng và vận

tải thông minh, công nghệ tài chính...), y tế, du lịch chất lượng cao. Phát triển những lĩnh vực này không chỉ tạo nhiều việc làm mới, mà còn tạo nhu cầu và thị trường cho đổi mới, sáng tạo công nghệ [9]. Phát biểu tại Diễn đàn kinh tế Việt Nam lần thứ 2 do Ban Kinh tế Trung ương tổ chức tại Hà Nội, tháng 1/2018, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cho rằng: tăng trưởng và phát triển là một cuộc đua marathon đường trường chứ không phải là một cuộc chạy đua nước rút. Trong thời gian tới, Việt Nam cần kiên trì theo đuổi mô hình tăng trưởng mới dựa trên nền tảng là năng suất và đổi mới sáng tạo. Với những nước đang trong giai đoạn đầu quá trình công nghiệp hóa như Việt Nam thì giải pháp nhanh chóng và hiệu quả nhất để tăng nhanh năng suất lao động là thu hút vốn FDI vào các hoạt động dịch vụ, sản xuất công nghiệp và nông nghiệp có giá trị cao hơn. Đồng thời, kết nối những doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước với các tập đoàn đa quốc gia thông qua trao đổi thông tin, cải tiến kỹ năng và chuyển giao công nghệ. Chúng ta cần có những chiến lược mới, định hướng mới trong việc thu hút FDI để khu vực này đóng vai trò quan trọng hơn trong việc chuyển giao, nắm bắt công nghệ, tăng năng suất lao động cho nền kinh tế, nhằm góp phần đạt mục tiêu tăng năng suất lao động bình quân 5,5%/năm; có 30-35% doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo giai đoạn 2016-2020 [6].

4.5. Nâng cao năng lực cán bộ hội nhập

Hội nhập kinh tế quốc tế là sự nghiệp của toàn dân, trong đó doanh nhân, doanh nghiệp là lực lượng đi đầu. Vấn đề đặt ra là chúng ta cần nỗ lực hoàn thiện, thực hiện

quyết liệt, hiệu quả và thực chất các cơ chế, chính sách thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam tranh thủ tốt cơ hội, lợi ích của hội nhập quốc tế. Việc xây dựng năng lực cho đội ngũ cán bộ hội nhập theo hướng chuyên nghiệp, bản lĩnh, có trình độ chuyên môn, kỹ năng thời đại số trở nên rất cấp bách và cần thiết. Mọi sự hợp tác, hỗ trợ của các bạn bè quốc tế trong lĩnh vực nâng cao năng lực đều được hoan nghênh.

4.6. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phân tích, dự báo

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang ngày càng gia tăng, những biến động lớn trên thế giới cả về kinh tế, chính trị sau khủng hoảng kinh tế tài chính thế giới năm 2008 đã và đang tác động lớn đến các quốc gia, khu vực, Việt Nam cần đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu, phân tích, dự báo chiến lược xu hướng thế giới, cục diện và tác động của tình hình thế giới đối với Việt Nam. Trên cơ sở đó, đề xuất việc điều chỉnh, bổ sung những nội dung cần thiết để thực hiện thắng lợi đường lối độc lập, tự chủ của Đảng, không ngừng nâng cao vị thế và sức mạnh quốc gia, đưa đất nước ta phát triển nhanh, bền vững trong thời gian tới.

5. Kết luận

Việt Nam đang hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, do đó, những biến động trong cục diện kinh tế và chính trị thế giới hiện nay sẽ có tác động lớn và ngay lập tức đối với tiến trình hội nhập của đất nước. Để nâng cao hơn nữa hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, vấn đề đặt ra là, Việt Nam cần thực hiện

đồng bộ các giải pháp trên, đặc biệt đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Đây chính là tiền đề và là giải pháp quyết định để nâng cao nội lực nhằm tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức của hội nhập kinh tế quốc tế.

Chú thích

³ Sức mạnh mềm (Soft Power) là một khái niệm do giáo sư người Mỹ Joseph Samuel Nye, Jr. ở Đại học Harvard đưa ra lần đầu tiên năm 1990. Thuật ngữ này hiện được các nhà phân tích và chính trị gia sử dụng rộng rãi trên khắp thế giới. Theo giáo sư Joseph Nye, sức mạnh mềm là dùng khả năng giành được những thứ mình muốn thông qua việc gây ảnh hưởng để khiến người khác làm theo những gì mình muốn. Ngược lại với sức mạnh mềm lực mềm, là sức mạnh cứng, theo đó quyền lực được thực hiện chủ yếu bằng cách đe dọa (như sa thải, kỷ luật...) và mua chuộc (như tăng lương, thăng cấp), còn quyền lực mềm thì đạt được những gì mình muốn bằng cách tác động tới hệ thống giá trị của người khác, làm thay đổi cách suy nghĩ của người khác, và qua đó khiến người khác mong muốn chính điều mà mình mong muốn. Đó là quyền lực mềm, thực hiện thông qua sự hấp dẫn và thuyết phục. Đối với một quốc gia, quyền lực mềm được tạo dựng trên 3 yếu tố: văn hóa quốc gia, giá trị quốc gia và chính sách của quốc gia đó.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Đỗ Sơn Hải (2014), “Hội nhập quốc tế của Việt Nam: Từ lý thuyết đến thực tiễn”, Tạp chí *Cộng sản*, số 855.
- [3] Võ Đại Lược (2018), “Việt Nam trong cục diện kinh tế thế giới”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 4.
- [4] Phạm Bình Minh (2014), “Xây dựng quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, nguồn sức mạnh mềm của Việt Nam”, Tạp chí *Cộng sản*, số 855.
- [5] Kim Ngọc (2015), “Quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế trong đổi mới”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 8.
- [6] Kim Ngọc (2018), “Rào cản tăng năng suất lao động Việt Nam”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 9.
- [7] Nguyễn Xuân Thắng (Chủ biên) (2003), *Một số xu hướng phát triển hiện nay của nền kinh tế thế giới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8] Đoàn Trần (2019), “Bước chuyển biến lớn về hội nhập. Chuyển từ tham dự sang chủ động tham gia”, *Thời báo kinh tế Việt Nam*, số 94+95, ngày 19-20.
- [9] <http://baoquocte.vn/hoi-nhap-kinh-te-quoc-te-trong-tinh-trang-binh-thuong-moi-82830.html>
- [10] <http://baoquocte.vn/giai-doan-moi-trong-hoi-nhap-kinh-te-quoc-te-76145.html>
- [11] <http://vietnamnet.vn/vn/tuanvietnam/tieudiem/khi-thu-tuong-yeu-cau-xay-dung-nen-kinh-te-tu-chu-482451.html>
- [12] <https://vov.vn/kinh-te/viet-nam-tiep-tuc-day-manh-hoi-nhap-kinh-te-quoc-te-846949.vov>
- [13] <https://www.thesaigontimes.vn/155198/Viet-Nam-da-va-dang-tham-gia-16-FTA.html>
- [14] <https://dantri.com.vn/chinh-tri/toan-van-nghi-quyet-trung-uong-ve-hoi-nhap-kinh-te-quoc-te-hieu-qua-20161106200645365.htm>